TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2024/DS-PT
Ngày 03-7-2024
V/v "Tranh chấp về đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nam

Bà Phạm Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc "*Tranh chấp về đòi tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 225/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1972; cư trú tại: Số A đường H, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Trương Thị Kim Đ, sinh năm 1971 (có mặt).

Anh Đỗ Tấn P, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Ngô Doãn M, sinh năm 1970; cư trú tại: Số A đường H, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-8-2023 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị D *trình bày*:

Do là chỗ quen biết vì em gái của chị tên Lê Thị Thúy H là em dâu họ của chị Trương Thị Kim Đ. Qua sự giới thiệu của chị H, ngày 13-5-2012, chị H và chị Đ đến nhà chị để hỏi vay số tiền gốc 50.000.000 đồng, mục đích vay là để làm vốn kinh doanh mua bán lúa. Khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng và thoả thuận thời hạn trả là 06 tháng. Tại thời điểm vay, chị Đ viết giấy vay tiền đề ngày 13-5-2012 giao cho chị, nhưng do không có chữ ký của chồng chị Đ là anh Đỗ Tấn P (tên thường gọi là B), nên chị giao lại giấy vay tiền cho chị H đem về cho anh P ký, sau đó giao lại cho chị.

Gần đến hạn trả nợ như thỏa thuận, chị có gọi điện thoại nhắc chị Đ và đồng thời chị gọi cho chị H để nhờ nhắc chị Đ giúp chị. Sau đó, chị Đ và chị H đến nhà chị, chị Đ xin gia hạn lại thời hạn trả nợ gốc, do hiện tại chị Đ làm ăn khó khăn, nhưng chị không đồng ý. Chị Đ tiếp tục gọi điện xin gia hạn, vì là chỗ sui gia nên chị đồng ý. Chị yêu cầu chị Đ, anh P viết lại giấy vay nợ mới cũng với số tiền gốc 50.000.000 đồng. Chị Đ, anh P thỏa thuận lại thời hạn trả nợ gốc là 13-6-2013. Giấy nợ mới đề ngày 13-10-2012 được chị Đ viết tại nhà và giao lại cho chị H giao cho chị giữ.

Về tiền lãi: Sau khi vay chị không nhận tiền lãi trực tiếp từ chị Đ, mà chị Đ trả tiền lãi cho chị thông qua chị H. Chị Đ làm ăn khó khăn nên trả lãi cho chị thông qua chị H không đúng 3%/tháng như thoả thuận, mà trả lãi với mức lãi suất thấp hơn 20%/năm. Chị nhận tiền lãi của chị Đ từ chị H, kể từ ngày vay đến tháng 4 năm 2015, nhưng không nhận đầy đủ các tháng mà nhận tổng cộng 09 lần, trong đó: 07 lần mỗi lần với số tiền 1.500.000 đồng và 03 lần mỗi lần với số tiền 3.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 19.500.000 đồng. Các lần chị nhận tiền, chị có viết lại vào sổ cá nhân của chị để theo dõi. Về tiền gốc, sau khi vay cho đến nay thì chị Đ, anh P không trả lại cho chị được số tiền nào.

Chị xác định giao dịch vay tiền được thực hiện giữa chị và chị Đ thông qua sự giới thiệu của chị H. Riêng anh P thì chị không gặp mặt lần nào. Nhưng do chị Đ nói anh P biết và mục đích vay tiền là để kinh doanh mua bán lúa, nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nên nay chị yêu cầu chị Đ và anh P có nghĩa vụ liên đới trả lại cho vợ chồng chị số tiền vay gốc còn nợ lại là 50.000.000 đồng, không tính lãi.

Bị đơn – chị Trương Thị Kim Đ *trình bày:*

Vào ngày 13-5-2012, chị có vay của chị D số tiền 50.000.000 đồng, mục đích để làm vốn kinh doanh mua bán lúa. Khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 3,5%/tháng. Về thời hạn trả thì thỏa thuận thời hạn là 06 tháng sẽ trả lại số tiền vay gốc trên. Sau khi vay chị đóng tiền lãi đầy đủ cho chị D với số tiền 1.750.000 đồng/tháng. Đến ngày 13-10-2012, chị viết lại giấy vay tiền mới và thỏa thuận đến ngày 13-6-2013 sẽ trả lại toàn bộ số tiền vay gốc 50.000.000 đồng cho chị D. Và chị cũng đóng tiền lãi đầy đủ cho chị D với số tiền 1.750.000 đồng/tháng, kể từ ngày 13-10-2012 cho đến hết năm 2015, sau đó thì

ngưng đóng lãi cho đến nay. Việc đóng tiền lãi hàng tháng cho chị D thì chị không đưa trực tiếp cho chị D, mà đưa cho chị Lê Thị Thúy H là em dâu họ của chị, để nhờ chị H giao lại cho chị D dùm chị.

Về tiền gốc: Sau khi ngưng không đóng tiền lãi, đến năm 2016 chị đến nhà chị D để gặp trực tiếp và nói với chị D là chị đã trả nhiều tiền lãi, hiện hoàn cảnh khó khăn, nên xin chị D không trả tiền lãi nữa, mà xin trả tiền gốc, và chị đã trả được số tiền 5.000.000 đồng nhưng chị D không nói gì. Sau đó chị không trả trực tiếp cho chị D nữa, mà trả cho chị D thông qua chị H nhiều lần, mỗi lần số tiền 3.000.000 đồng, 5.000.000 đồng và 7.000.000 đồng, đến tháng 12 năm 2023 thì ngưng với tổng số tiền 55.000.000 đồng, nhưng do lâu quá và việc trả tiền không ghi vào sổ hay bất cứ giấy tờ gì giữa hai bên, nên chị không nhớ rõ thời gian và số tiền giao nhận từng lần. Tổng cộng chị đã trả được cho chị D 60.000.000 đồng, trong đó có 50.000.000 đồng tiền gốc, còn lại là 10.000.000 đồng tiền lãi. Nên chị đã trả xong tiền gốc cho chị D. Việc chị trả tiền gốc và tiền lãi trước đây sau khi vay cho chị D thông qua chị H, thì chị không có gặp và cũng không gọi điện thoại để nói chuyện với chị D về nội dung trên.

Nay chị D khởi kiện yêu cầu chị và anh Đỗ Tấn P có nghĩa vụ liên đới trả lại cho vợ chồng chị D số tiền vay gốc 50.000.000 đồng thì chị không đồng ý. Chị chỉ đồng ý trả thêm cho chị D số tiền lãi 10.000.000 đồng. Tại phiên toà sơ thẩm, chị Đ đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

Bị đơn – anh Đỗ Tấn P*:*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh P không đến, không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Ngô Doãn M *trình bày:*

Anh thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của chị Lê Thị D. Nay anh yêu cầu anh Đỗ Tấn P và chị Trương Thị Kim Đ có nghĩa vụ trả lại tài sản cho vợ chồng anh là số tiền vay gốc 50.000.000 đồng, không tính lãi.

** Tại bản án số 25/2024/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D về việc "Tranh chấp về đòi tài sản" đối với anh Đỗ Tấn P và chị Trương Thị Kim Đ.

Buộc anh Đỗ Tấn P và chị Trương Thị Kim Đ có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị D và anh Ngô Doãn M số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23-4-2024, chị Đ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì chị đã trả xong tiền gốc cho chị D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, chị đồng ý trả tiền gốc 50.000.000 đồng cho chị D nhưng yêu cầu xem xét khấu trừ tiền lãi chị đã trả cho chị D được 55.000.000 đồng.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị D và chị Đ xác lập giao dịch vay tiền, có thoả thuận trả lãi và có thời hạn, chị D cho rằng chị Đ trả tiền lãi đến năm 2015 thì ngưng, nay khởi kiện yêu cầu chị Đ trả tiền gốc, không yêu cầu trả tiền lãi. Xét thấy, giao dịch giữa chị D và chị Đ là hợp đồng vay tài sản có lãi và có kỳ hạn, trong quá trình giải quyết vụ án, không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về đòi tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là không đúng. Tuy nhiên, trong vụ án này, chị D chỉ yêu cầu trả tiền vay gốc, không yêu cầu trả tiền lãi, số tiền lãi chị D đã nhận tính đến thời điểm hiện nay không vượt quá mức lãi suất quy định nên không thuộc trường hợp phải tính lại tiền lãi, do đó, không cần thiết sửa án sơ thẩm, cấp phúc thẩm điều chỉnh về quan hệ pháp luật tranh chấp, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Tại cấp phúc thẩm, chị Đ thay đổi kháng cáo, nội dung thay đổi không vượt quá nội dung kháng cáo ban đầu nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, chị Đ, thấy rằng: Chị Đ thừa nhận và đồng ý trả cho chị D số tiền vay 50.000.000 đồng nhưng yêu cầu xem xét khấu trừ lại tiền lãi đã trả cho chị D được 55.000.000 đồng với mức lãi suất 3,5%/tháng thông qua chị Lê Thị Thúy H là em gái của chị D. Xét thấy, chị Đ trình bày nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh vấn đề này; cấp sơ thẩm đã thu thập lời khai của chị H tại biên bản lấy lời khai ngày 08-01-2024 (bút lục 28) chị H chỉ thừa nhận từ ngày 13-5-2012 đến tháng 4 năm 2015, chị Đ trả lãi cho chị D thông qua chị tổng cộng 09 lần, trong đó 07 lần với số tiền 1.500.000 đồng/lần và 03 lần với số tiền 3.000.000 đồng/lần với tổng số tiền 19.500.000 đồng. Ngoài ra, chị Đ không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh đã trả cho chị D số tiền lãi 55.000.000 đồng như chị Đ trình bày. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn; đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có cơ sở chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Trường Thị Kim Đ1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 25/2024/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, 28 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với anh Đỗ Tấn P và chị Trương Thị Kim Đ.

Buộc anh Đỗ Tấn P và chị Trương Thị Kim Đ có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị D và anh Ngô Doãn M số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Tấn P và chị Trương Thị Kim Đ phải chịu 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019102 ngày 06-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Trương Thị Kim Đ phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009152 ngày 23-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Mai